

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST

Ngày 05 - 02 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đức Lý và bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HS ngày 19/01/2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **BÙI XUÂN BÌNH** - Sinh ngày: 03/11/1991, tại: Tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Số nhà E đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; giới tính: Nam; con ông: Bùi Xuân A - Sinh năm: 1965 và bà: Phạm Thị Thu B - Sinh năm: 1965; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ từ ngày 30/8/2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty Cổ phần G tại Đắk Lắk, địa chỉ số C đường A tháng C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Xuân A – Sinh năm: 1965, địa chỉ: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Lưu Văn C – Sinh năm: 1982, địa chỉ: Số A đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1995, trú tại số A đường A, Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Trương Minh T1, sinh năm 2004, trú tại: Hẻm F P, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Doãn Thị H, sinh năm 1962, trú tại số B đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1982 trú tại, hẻm A đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Tạ Thị N, sinh năm 1990, trú tại: 5 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm 1989, trú tại: B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Bà Đặng Thị Thu T3, sinh năm 1974, trú tại: 2, đường P, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1971, trú tại: F đường A thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

9. Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm: 1986, trú tại: B đường A xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

10. Bà Trần Thị Thanh H2, sinh năm 1983, trú tại: A đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

11. Cao Thị Ngọc T5, sinh năm 1993, trú tại: B đường A, Thôn A Xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

12. Bà Thiều Phương N1, sinh năm 1997, trú tại: 65/5/1 N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

13. Bà Trần Thị O, sinh năm 1953, trú tại số B, đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

14. Ông Trần Văn T6, sinh năm 1991, trú tại: Đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

15. Bà Phạm Thị Hoài T7, sinh năm 1981, trú tại: D đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

16. Bà Hà Thị Q1, sinh năm 1996, trú tại: F P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

17. Ông Lê Hồ Anh V, sinh năm 1996, trú tại: A P, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

18. Bà Đinh Lê Lê N2, sinh năm 1990, trú tại: 48 đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

19. Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1991, trú tại: 10 đường G, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
20. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1991, trú tại: C đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
21. Ông Lý Trọng V1, sinh năm 1981, trú tại: Số I đường A, Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
22. Bà Đỗ Thị D1, sinh năm 1968, trú tại: A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
23. Ông Trần Thanh X, sinh năm 1964, trú tại: Số A đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
24. Bà Nguyễn Thị Thủy T8, sinh năm 1999, trú tại: số G đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
25. Bà Vũ Thị Như M1, sinh năm 1970, trú tại: Số A đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
26. Bà Lê Thị T9, sinh năm 1986, trú tại: Số A đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
27. Bà Lê Thị Thanh T10, sinh năm 1991, trú tại: Hẻm D đường A, Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
28. Bà Bạch Lan A1, sinh năm 1967, trú tại: Số D đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
29. Bà Nguyễn Thị Thủy T8, sinh năm 1999, trú tại: Số G đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
30. Bà Đỗ Thị Phương D2, sinh năm 1992, trú tại: I đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
31. Bà H' Hana Êban, sinh năm 2000, trú tại: Số A đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
32. Bà Nguyễn Lê Anh T11, sinh năm 2002, trú tại 4 đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
33. Bà H Linh K, sinh năm 1994, trú tại: Số I đường A, Thôn D, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
34. Bà Nguyễn Thị Hoài T12, sinh năm 1990, trú tại: A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
35. Bà Ngô Thị Thùy Q2, sinh năm 1987, trú tại: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
36. Ông Huỳnh Lê Đ – Sinh năm: 1998, địa chỉ: Làm việc tại Công ty Cổ phần G tại Đắk Lắk, địa chỉ số C đường A tháng C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

37. Bà Nguyễn Thị Lê X1 – Sinh năm: 1995, địa chỉ: Làm việc tại Công ty Cổ phần G tại Đắk Lắk, địa chỉ số C đường A tháng C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

38. Bà Chu Thị M2 – Sinh năm: 1998, địa chỉ: Làm việc tại Công ty Cổ phần G tại Đắk Lắk, địa chỉ số C đường A tháng C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Xuân B1, sinh năm 1991, trú tại Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là nhân viên giao hàng làm việc tại Công ty Cổ phần G tại Đắk Lắk, ở địa chỉ số C đường A tháng C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. B1 được cấp mã nhân viên, tài khoản và mật khẩu (nhân viên COD), được tải ứng dụng (App) “Giaohangtietkiem” của Công ty Cổ phần G cài đặt trên điện thoại di động của B1 để thực hiện nhiệm vụ giao hàng cho khách hàng và Công ty quản lý việc giao hàng của B1 thông qua ứng dụng. Vào 07 giờ 30 phút và 13 giờ 30 phút hàng ngày, Công ty gửi thông tin đơn hàng gồm tên khách hàng, mã số đơn hàng, giá tiền thu hộ, địa chỉ và số điện thoại khách nhận hàng vào ứng dụng cho B1, khi nhận thông tin và bấm xác nhận với bộ phận điều phối, B1 đến kho nhận hàng, sau đó tiến hành giao hàng theo quy trình: B1 được giao nhiệm vụ liên hệ, giao hàng cho khách hàng trên địa bàn phường T và xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nếu giao hàng thành công cho khách thì B1 thu tiền và bấm xác nhận tình trạng giao hàng thành công trên ứng dụng; nếu không giao được hoặc khách hàng hẹn lại thời gian nhận hàng, bấm tình trạng “hẹn lại” (delay); sau khi thu tiền từ khách hàng, B1 có quyền hạn quản lý số tiền đó và giao nộp lại cho Công ty vào cuối ca sáng kết thúc lúc 12 giờ 30 phút và ca chiều kết thúc lúc 17 giờ 30 phút hàng ngày. Ngày 03/7/2022, B1 được chị Chu Thị M2, sinh năm 1998, là nhân viên điều phối, giao cho 77 kiện hàng để giao đến các khách hàng trên địa bàn phường T và xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận hàng từ kho, B1 thực hiện việc giao hàng, thu tiền thu hộ từ khách hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền đến tài khoản số 19038616953018 tên BUI XUAN BINH do B1 mở tại ngân hàng T13. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, B1 về kho hàng để chốt ca, thì phát hiện mất số tiền 1.169.000 đồng tiền thu hộ từ khách hàng và khoảng 15.000.000 đồng tiền cá nhân nên đã xin chị M2, là nhân viên điều phối, không thực hiện việc chốt tiền giao hàng buổi sáng với lý do còn nhiều đơn hàng chưa giao được, hẹn chiều sau khi giao hàng xong thì B1 thực hiện chốt ca, thì chị M2 đồng ý. Sau đó B1 đi tìm kiếm số tiền đã mất, đồng thời giao thêm một số đơn hàng. Trong ngày 03/7/2022, Bùi Xuân B1 giao được 40 đơn hàng, thu hộ tổng số tiền 33.738.000 đồng, trong đó, gồm: số tiền 24.369.000 đồng thông qua chuyển khoản vào tài khoản số 19038616953018 tên BUI XUAN BINH do B1 mở tại Ngân hàng T13 và số tiền 9.369.000 đồng tiền mặt. Lợi dụng việc bản thân là nhân viên được Công ty giao quyền hạn quản lý số tiền thu hộ từ khách hàng, B1 nảy sinh ý định sử dụng số

tiền thu hộ từ khách hàng là 8.200.000 đồng, nạp vào tài khoản ngân hàng số 19038616953018 tên BUI XUAN BINH của B1, sau đó, B1 chuyển số tiền 4.200.000 đồng và số tiền 4.000.000 đồng đến tài khoản T13 số 19035644846015 mang tên NGUYEN PHUONG LINH để đánh bạc bằng hình thức cá cược thông qua website có tên miền <https://go88.net>, rồi bị thua hết tiền. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, B1 nhờ anh Huỳnh Lê Đ, sinh năm 1998, trú tại Thôn B, Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nhân viên giao hàng khác cùng tuyến với B1) giúp chở số hàng B1 chưa giao được về tại kho hàng. Đồng thời Bình gọi điện nói dối chị Nguyễn Thị Lệ X2, sinh năm 1995, là nhân viên điều phối ca buổi chiều, xin chốt ca trễ với lý do mẹ B1 bị tai nạn thì chị X2 đồng ý, rồi B1 cắt liên lạc, bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền thu hộ từ khách hàng là 25.538.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 11/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Bùi Xuân B1 về tội “Tham ô tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đúng theo nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Xuân B1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Bùi Xuân B1 đã bồi thường cho Công ty Cổ phần G số tiền 34.438.000 đồng, Công ty Cổ phần G không có yêu cầu gì khác.

Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận như nội dung tại bản Cáo trạng.

Bị cáo không tranh luận nội dung gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiền hành tô tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Xuân B1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường các quy định về quản lý hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức nên bị cáo Bùi Xuân B1 là nhân viên của Công ty Cổ phần G tại Đắk Lắk, ở địa chỉ số C đường A tháng C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được Công ty giao nhiệm vụ giao hàng cho khách hàng, được quyền thu tiền của khách hàng, sau đó nộp về cho Công ty theo quy định. Ngày 03/7/2022, lợi dụng quyền được giao, sau khi giao 70 đơn hàng cho khách hàng của công ty và thu số tiền 33.738.000 đồng, B1 đã chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần G là số tiền 33.738.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Do đó Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Bùi Xuân B1 về tội “*Tham ô tài sản*” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Cụ thể:

“Điều 353. Tội Tham ô tài sản

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”...

Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức, được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình được giao để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Xuân B1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Công ty G xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho Công ty G, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian mới có đủ điều kiện và thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Bùi Xuân B1 đã bồi thường cho Công ty Cổ phần G số tiền 34.438.000 đồng, Công ty Cổ phần G không có yêu cầu gì khác.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không rõ đặc điểm), bị cáo Bùi Xuân B1 dùng để sử dụng phần mềm, không sử dụng vào việc phạm tội, nên không đề cập xử lý là đúng theo quy định.

Đối với việc bị cáo Bùi Xuân B1 giao hàng cho chị Nguyễn Thị Kim H4, sinh năm 1986, trú tại 58 đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/7/2022, tuy nhiên chị H4 không đủ tiền để nhận đơn hàng, nên chị H4 đã thỏa thuận là cọc trước cho B1 số tiền 700.000 đồng, để B1 không hủy đơn hàng của chị H4. Đến ngày 03/7/2022 B1 liên hệ giao hàng cho chị H4 nhưng chị H4 bận không nhận đơn hàng, nên B1 chuyển đơn hàng của chị H4 về kho hàng. Sau đó, B1 đã khắc phục số tiền tiền 700.000 đồng cho Công ty G và Công ty đã hoàn lại số tiền 700.000 đồng cho chị H4 và chị H4 không có yêu cầu gì khác. Nhận thấy đây là thỏa thuận dân sự giữa B1 và chị H4, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với việc bị cáo chuyển khoản số tiền 24.369.000 đồng, từ số tiền giao hàng thu hộ được đến tài khoản của anh Nông Văn M3, sinh năm 2004, trú tại Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Lê Quốc V2, trú tại 6 B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Đặng Hồng Q3, sinh năm 1990, trú tại Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên thì bị cáo B1 khai nhận việc chuyển tiền cho những người trên liên quan đến công việc kinh doanh các trang bị trong cho trò chơi (game) “Võ Lâm Truyền K1”. Do B1 chỉ trao đổi thông qua tài khoản game nên không rõ nhân thân lai lịch của những người này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa triệu tập làm việc được, nên chưa xác định được những người trên có biết số tiền bị cáo B1 chuyển là tiền thu hộ hay không. Do đó Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với nội dung bị cáo Bùi Xuân B1 khai sử dụng số tiền chiếm đoạt chuyển đến tài khoản ngân hàng T13 số 19035644846015 của Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 09/10/1996, trú tại Tổ A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang, để đánh bạc qua mạng internet thông qua website có tên miền <https://go88.net> Quá trình điều tra xác định website có tên miền <https://go88.net> không truy cập được, website này có máy chủ đặt tại C - S – Hoa Kỳ (ở nước ngoài) nên chưa liên hệ xác minh được, đồng thời chưa triệu tập làm việc được với người có tên Nguyễn Thị Phương L. Do đó, Cơ quan điều tra tách hành vi đánh bạc của bị cáo B1 tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Xuân B1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân B1 phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Xuân B1**: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 30/8/2023.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Bùi Xuân B1 đã bồi thường cho Công ty Cổ phần G số tiền 34.438.000 đồng, Công ty Cổ phần G không có yêu cầu gì khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Bùi Xuân B1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Cơ quan THAHS;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh